

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/KDTM-PT.

Ngày 28/01/2021.

“Về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: bà Nguyễn Thị Hoa- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/01/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 245/2020/KTPT ngày 04/11/2020 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2020/KDTM- ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-PT ngày 04/01/2021, giữa:

Nguyên đơn: **Công ty cổ phần vật liệu xây dựng SĐ**

Trụ sở: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Việt C- Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Kim N và ông Lê Đình V (địa chỉ Công ty Luật Minh Tín, tầng 4, tòa nhà 102 Hà Thành Plaza, số 102 Thái Thịnh, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, TP Hà Nội) (bà N có mặt, ông V vắng mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: **Tổng công ty L- Công ty cổ phần**

Trụ sở: TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Thanh H- Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Hải N- Phó trưởng phòng thanh tra và bà Phạm Minh T- Chuyên viên phòng thanh tra (ông N và bà T có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty cổ phần vật liệu xây dựng SĐ do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng SĐ (gọi tắt là nguyên đơn) ký kết với Chi nhánh L i số 1 (gọi tắt là Chi nhánh số 1) của Tổng công ty L - công ty cổ phần (gọi tắt là bị đơn) Hợp đồng mua bán số 25/2013/HĐMB ngày 20/8/2013 (gọi tắt là Hợp đồng 2013) và Hợp đồng mua bán số 02.06/2014/HĐMB ngày 02/06/2014 (gọi tắt là Hợp đồng 2014) về mua bán hàng hóa gồm hào kỹ thuật bê tông cốt thép, ống cống bê tông

cốt thép đúc sẵn để phục vụ thi công công trình tuyến đường số 3 + 11 thuộc dự án Đại học quốc gia Hà Nội tại Hòa Lạc do bị đơn làm nhà thầu chính.

Quá trình thực hiện, các bên đã ký thêm Phụ lục hợp đồng ngày 20/6/2014 (gọi tắt là Phụ lục hợp đồng) cho Hợp đồng 2014 cung cấp bổ sung các mặt hàng cấu kiện bê tông đúc sẵn để thi công, cụ thể:

- Hợp đồng 2013 có nội dung là cung cấp hào kỹ thuật bê tông cốt thép, ống công bê tông cốt thép đúc sẵn, giá trị hợp đồng 2.292.114.385 đồng (giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, hợp đồng theo đơn giá, khối lượng là tạm tính).

- Hợp đồng 2014 có nội dung cung cấp hào kỹ thuật và ống công bê tông đúc sẵn, giá trị hợp đồng 3.090.923.000 đồng (giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, hợp đồng theo đơn giá, khối lượng là tạm tính).

Phụ lục hợp đồng cung cấp cấu kiện bê tông đúc sẵn, giá trị hợp đồng 876.783.600 đồng (giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, hợp đồng theo đơn giá, khối lượng là tạm tính).

Quá trình thực hiện các hợp đồng và phụ lục hợp đồng, nguyên đơn đã giao hàng đúng số lượng và đảm bảo chất lượng theo khối lượng đặt hàng thực tế của bị đơn và theo các hợp đồng, phụ lục hợp đồng các bên đã ký kết.

Tổng giá trị hàng hóa thực tế mà nguyên đơn đã bán và đã có xác nhận khối lượng từ bị đơn (bao gồm VAT) là 7.636.967.855 đồng. Tổng giá trị hàng hóa nguyên đơn đã xuất hóa đơn thuế giá trị gia tăng cho bị đơn là 6.826.908.605 đồng, cụ thể:

STT	Số hóa đơn giá trị gia tăng	Ngày xuất	Số tiền (VNĐ)
1	0000926	25/11/2013	2.019.333.855
2	0001009	31/12/2013	1.216.050.000
3	0001232	20/8/2014	572.715.000
4	0001258	21/9/2014	509.355.000
5	0001438	13/2/2015	1.184.925.500
6	0001563	28/6/2015	810.067.500
7	0001814	25/12/2015	514.461.750
	Tổng số tiền		6.826.908.605

Do bị đơn chậm thanh toán nên nguyên đơn chưa thể tiếp tục xuất hóa đơn VAT cho lượng hàng còn lại, nguyên đơn còn phải cấp hóa đơn VAT cho bị đơn với số tiền là 810.059.250 đồng.

Sau khi nhận đủ hàng hóa và hóa đơn thuế giá trị gia tăng. Bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tính đến 03/02/2018 là 6.051.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm hiện tại, bị đơn còn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là 1.585.967.855 đồng. Ngoài ra, do chậm thực hiện thanh toán, bị đơn còn trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính trên số tiền chậm trả kể từ ngày 1/1/2019 với lãi suất quá

hạn tính trên lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước là 1,125%/tháng (13,5%/năm).

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn nợ gốc là 1.585.967.855đồng và số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/01/2019 tạm tính đến hết ngày 01/07/2019 với lãi suất 1,125%/tháng (tương đương 13,5%/năm) tính trên số tiền nợ gốc cụ thể 1.585.967.855đồng x 1,125%/tháng x 6 tháng = 107.052.830đồng. Tổng số tiền là 1.693.020.685đồng.

Ngoài ra, bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi do chậm thanh toán tính trên số tiền nợ gốc cho đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là bản xác nhận công nợ và các hóa đơn giá trị gia tăng, các công văn yêu cầu thanh toán.

Bị đơn do người đại diện hợp pháp trình bày:

Bị đơn không đồng ý thanh toán cho nguyên đơn vì nguyên đơn chưa thực hiện các nghĩa vụ để thanh toán theo hợp đồng, chưa có đầy đủ hồ sơ để làm căn cứ xác định yêu cầu khởi kiện. Cụ thể là 02 hợp đồng 2013 và 2014 không được bị đơn ký mà do Chi nhánh của bị đơn ký. Hợp đồng, phụ lục hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ không có ủy quyền của bị đơn và bị đơn không biết việc này. Việc nguyên đơn không thực hiện việc cấp hóa đơn là trái quy định của pháp luật về hóa đơn và hợp đồng, bị đơn đề nghị nguyên đơn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng để làm cơ sở thanh toán là cung cấp đầy đủ xuất xứ, nguồn gốc và giấy chứng nhận sản xuất của tất cả các loại vật liệu đầu vào của sản phẩm, chứng chỉ chất lượng sản phẩm... Do nguyên đơn không cung cấp được các chứng từ trên nên bị đơn không đồng ý thanh toán. Đề nghị Tòa án đưa Chi nhánh số 1 vào tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa sơ thẩm: nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu thanh toán khoản tiền chưa xuất hóa đơn giá trị gia tăng là 810.059.250 đồng, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền theo các hợp đồng đã được xuất hóa đơn là 775.874.950 đồng và tiền lãi phạt chậm trả từ ngày 01/1/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất quá hạn tính trên lãi suất cho vay của Ngân hàng nhà nước 13,5%/tháng là 160.874.950 đồng. Tổng số tiền là 936.783.555 đồng.

Bị đơn trình bày, bị đơn là đơn vị thuộc diện kiểm toán hàng năm và có biết việc Chi nhánh số 1 ký kết các hợp đồng mua bán, nhưng không được nguyên đơn thông báo và cũng không ký kết hợp đồng, xác nhận công nợ nên không nắm được cụ thể quá trình thực hiện các hợp đồng. Bị đơn đã ba lần thanh toán với tổng số tiền là 1.310.000.000 đồng cho nguyên đơn nhưng do Chi nhánh hoạt động độc lập nên nguyên đơn không biết nội dung thanh toán vào việc gì. Đến nay giữa nguyên đơn và bị đơn không có khiếu nại về chất lượng, số lượng hàng hóa nhưng việc nguyên đơn không xuất trình đủ chứng từ liên quan đến chất lượng, xuất xứ hàng hóa là đã vi phạm quy định về pháp luật xây dựng, thỏa thuận trong hợp đồng và không đủ cơ sở để bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn lại. Do đó, bị đơn không đồng ý thanh toán số tiền trên cho nguyên đơn.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2019/KDTM- ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán bê tông đúc sẵn của nguyên đơn đối với bị đơn.

2. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và phạt chậm trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm của các hợp đồng 2013 và 2014 và phụ lục hợp đồng là 891.695.427 đồng.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 810.059.250 đồng.

4. Không chấp nhận các yêu cầu khác của các bên đương sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm nêu trên bị đơn kháng cáo đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2020/KDTM- ST ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án vì việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII Bộ luật tố tụng dân sự hoặc chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện hợp pháp của bị đơn có kháng cáo trình bày:

Về tố tụng: bị đơn cho rằng Tòa án sơ thẩm không thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ liên quan đến xuất xứ hàng hóa, chất lượng sản phẩm được bán ra và yêu cầu nguyên đơn xuất trình các tài liệu là các biên bản giao nhận các tài liệu này nguyên đơn đã giao cho bị đơn.

Chi nhánh số 1 là đơn vị phụ thuộc hoạt động theo sự phân công của bị đơn thi công tuyến đường trên, người ký hợp đồng mua bán phải là bị đơn nếu không có ủy quyền, Tòa sơ thẩm không triệu tập Chi nhánh tham gia tố tụng là vi phạm thủ tục tố tụng.

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến số tiền hơn 810 triệu đồng đáng lý ra, Tòa án sơ thẩm phải đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này, nhưng Bản án nhận định không xem xét là chưa đúng tố tụng.

Về nội dung: nguyên đơn đồng ý thanh toán các khoản tiền mua bán hàng hóa mà Chi nhánh số 1 ký với nguyên đơn, nhưng phải đúng các loại hàng hóa đã mua bán. Tại hóa đơn số 2 và biên bản nghiệm thu có hai loại ống cống không có trong hợp đồng mua bán 2014. Có loại chỉ nghiệm thu 30 m, nhưng hóa đơn xuất ra là 100 m thì không chính xác.

Bị đơn chấp nhận số tiền nợ gốc, còn số tiền phạt chậm trả thì nguyên đơn chưa xuất trình được các tài liệu liên quan đến xuất xứ hàng hóa và chất lượng sản phẩm nên bị đơn chưa phát sinh nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn không phải trả lãi cho số tiền nợ gốc theo quy định tại Điều 55 Luật thương mại.

Từ những phân tích trên, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: tại Tòa sơ thẩm nguyên đơn chưa cung cấp được đầy đủ toàn bộ các tài liệu chứng cứ liên quan đến đơn khởi kiện, các biên bản giao nhận hàng hóa mà chỉ là các bản photocopy. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các bản sao cho Tòa phúc thẩm.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn nêu ra biên bản nghiệm thu số 02 ngày 15/11/2014 có hai loại ống công không phù hợp với hợp đồng 2014, nhưng do việc thi công đường có những loại ống khác nhau, bị đơn đặt hàng loại nào với số lượng bao nhiêu thì nguyên đơn cung cấp đến đó. Trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng 2014 đến nay bị đơn chưa bao giờ khiếu nại về vấn đề này, do vậy việc bị đơn trình bày tại phiên tòa hôm nay là không chính xác.

Khi ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với Chi nhánh số 1 của bị đơn, nguyên đơn không còn giữ các giấy ủy quyền, tuy nhiên nguyên đơn cho rằng bị đơn đã biết các hợp đồng này vì nguyên đơn đã ba lần thanh toán bằng chuyển khoản từ tài khoản của bị đơn cho nguyên đơn trong đó nêu rõ là thanh toán tiền mua hàng.

Về các biên bản giao nhận xuất xứ hàng hóa và chất lượng sản phẩm nguyên đơn bao giờ cũng giao cùng với hàng hóa cho bị đơn, nhưng nguyên đơn không còn giữ các biên bản giao nhận này. Mỗi lô hàng hóa nguyên đơn chỉ xuất một lần nên không còn để giao lại lần nữa cho bị đơn. Trong quá trình thực hiện các hợp đồng và phụ lục hợp đồng bị đơn không có khiếu nại theo quy định tại Luật thương mại.

Theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại thì bị đơn chậm thanh toán thì bị đơn phải chịu lãi. Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về việc bị đơn yêu cầu đưa Chi nhánh vào tham gia tố tụng là không cần thiết vì đây là đơn vị phụ thuộc và không có tư cách pháp nhân.

Việc thu thập tài liệu, chứng cứ của Tòa sơ thẩm là chưa đúng vì nhiều tài liệu là bản photocopy, nhưng tại cấp phúc thẩm nguyên đơn đã xuất trình bản sao công chứng hợp lệ do đó kháng cáo của bị đơn đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận.

Đề nghị rút kinh nghiệm đối với Tòa án sơ thẩm là đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện hơn 810 triệu tại phiên tòa, thì trong Bản án sơ thẩm phải đính chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về vấn đề này.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn: giữa nguyên đơn và Chi nhánh số 1 của bị đơn có ký hai hợp đồng mua bán hàng hóa và phụ lục hợp đồng. Tuy việc ký hợp đồng và phụ lục hợp đồng không có ủy quyền nhưng bị đơn có biết đã thanh toán tiền cho nguyên đơn và không có khiếu nại gì với nguyên đơn về vấn đề này thì bị đơn phải chịu trách nhiệm về hoạt động của chi nhánh.

Việc nguyên đơn không cung cấp được các giấy tờ về xuất xứ hàng hóa, chất lượng sản phẩm nhưng trên thực tế bị đơn đã nghiệm thu và không có khiếu nại gì đối với hàng hóa nguyên đơn cung cấp, do vậy trình bày của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Về việc tính lãi chậm trả, Bản án sơ thẩm đã tính đúng nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Bị đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do sửa một phần Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: đây là vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Bị đơn có trụ sở tại quận Thanh Xuân, theo quy định tại các điều 30, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm và Tòa án nhân dân TP Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị đơn là hợp lệ.

Bị đơn yêu cầu đưa Chi nhánh số 1 vào tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc và hoạt động dựa trên sự ủy quyền của bị đơn do đó Chi nhánh không phải pháp nhân nên không có tư cách tham gia tố tụng, bị đơn chịu trách nhiệm về hoạt động của Chi nhánh theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đề nghị hủy Bản án sơ thẩm vì việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, hai bên có ký kết hợp đồng, xuất hóa đơn, có giao nhận hàng hóa và có biên bản đối chiếu công nợ tại giai

đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm nguyên đơn đã xuất trình và nộp cho Tòa án các tài liệu đã được sao y bản chính nên yêu cầu này của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận. Rút kinh nghiệm đối với Tòa án sơ thẩm về việc thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ là các bản photocopy mà không yêu cầu nguyên đơn xuất trình bản chính hay bản sao các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện. Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ là các quyết định lãi suất, thông báo lãi suất của ba Ngân hàng là Vietcombank, Vietinbank và Agribank là thiếu sót.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền chưa xuất hóa đơn là 810.059.250 đồng, tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn rút yêu cầu này, đáng lẽ Hội đồng xét xử sơ thẩm phải đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn nhưng lại nhận định là do nguyên đơn rút yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét là chưa đúng. Tòa án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Về nội dung kháng cáo của bị đơn: đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị đơn thừa nhận có biết việc Chi nhánh số 1 ký kết các hợp đồng mua bán bê tông đúc sẵn với nguyên đơn để thực hiện công trình của bị đơn và bị đơn đã ba lần thanh toán trực tiếp tiền mua hàng cho nguyên đơn với số tiền là 1,3 tỷ đồng bằng hình thức chuyển khoản. Các hợp đồng mua bán bê tông đúc sẵn do các bên tự nguyện giao kết và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành và thực tế các bên đã thực hiện xong việc mua bán hàng hóa chỉ còn tranh chấp về việc thanh toán tiền mua hàng còn thiếu. Bị đơn cho rằng việc ký kết hợp đồng mua bán với nguyên đơn tuy không có tranh chấp về chất lượng và số lượng hàng hóa nhưng nguyên đơn không cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến xuất xứ hàng hóa là vi phạm pháp luật về xây dựng nên không đủ cơ sở để cho bị đơn thực hiện việc thanh toán. Việc Chi nhánh ký hợp đồng và đã đối chiếu công nợ với nguyên đơn tuy không có ủy quyền và việc nguyên đơn không xuất hóa đơn cho số hàng hóa trị giá 810.059.250 đồng là vi phạm pháp luật về thuế. Bị đơn viện dẫn ra lý do trên để không chấp nhận việc thanh toán tiền còn thiếu cho nguyên đơn là không có cơ sở để chấp nhận vì trên thực tế hai bên đã giao nhận đầy đủ hàng hóa, đã có đối chiếu tại biên bản xác nhận công nợ, bị đơn còn nợ nguyên đơn hai khoản tiền là khoản tiền đã xuất hóa đơn là 775.908.606 đồng và khoản tiền chưa xuất hóa đơn là 810.059.250 đồng.

Tòa án sơ thẩm đã xác minh tại cơ quan thuế thì thấy nguyên đơn đã kê khai hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn không kê khai thuế đầu vào đối với các hóa đơn này. Việc kê khai thuế này không làm mất đi quyền đòi nợ của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc còn thiếu là 775.908.606 đồng là phù hợp nên kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Về số tiền phạt chậm trả: theo thỏa thuận tại các điều 3,4 của Hợp đồng 2013 thì thời hạn thanh toán là không quá 30 ngày nếu thanh toán chậm thì phải chịu lãi suất Ngân hàng tại thời điểm chậm trả nợ. Tại điều 3, 4 Hợp đồng 2014 hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán không quá 60 ngày. Tại văn bản xác nhận công nợ vào ngày 31/12/2018 thì ngày để tính thời hạn bị đơn phải thanh toán tiền cho nguyên đơn là ngày 02/3/2019 và lãi suất được tính theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật thương mại là lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường tính theo ba Ngân hàng là Vietcombank, Vietinbank và Agribank. Tòa án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất tính trung bình là 6,8%/năm và lãi quá hạn là 10,2%, nguyên đơn nhất trí và không có kháng cáo về nội dung này là có lợi cho bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đề nghị giữ nguyên Bản án sơ thẩm tức là chấp nhận mức lãi suất này. Số tiền lãi được tính là 775.908.605 đồng x 10,2% x 534 ngày : 365 ngày = 115.786.822 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tổng số nợ gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 891.695.427 đồng. Việc xác định nợ gốc và lãi trên của Bản án sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

Rút kinh nghiệm Tòa án sơ thẩm tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên về phần tính lãi suất thi hành án chưa đúng với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán- Tòa án nhân dân tối cao.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần sửa Bản án sơ thẩm về cách tuyên về lãi suất thi hành án và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: do sửa Bản án sơ thẩm nên bị đơn có kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 30, 35, 39, 147, 148, 271, 273, 309, 313 và 315 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 24, 34, 35, 37, 42, 50, 55 và 306 Luật thương mại;
- Các điều 92, 412 và 414 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Các điều 45 Luật doanh nghiệp năm 2014;
- Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Tổng công ty L - Công ty cổ phần.
2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng SĐ về

tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa. Buộc Tổng công ty L i- Công ty cổ phần phải thanh toán cho Công ty cổ phần vật liệu xây dựng SD số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 25/2013/HĐMB ngày 20/8/2013, Hợp đồng mua bán hàng hóa số 02.06/2014/HĐMB ngày 02/6/2014 và Phụ lục hợp đồng ngày 20/6/2014 với số tiền nợ gốc và lãi là 891.695.427 (tám trăm chín mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày 28/8/2020, Tổng công ty L- Công ty cổ phần còn phải tiếp tục chịu lãi của số tiền 891.695.427 (tám trăm chín mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bốn trăm hai mươi bảy) đồng theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng SD đối với Tổng công ty L- Công ty cổ phần về số tiền là 810.059.250 (tám trăm mười triệu không trăm năm mươi chín nghìn hai trăm lăm mươi) đồng.

4. Về án phí:

- Tổng công ty L- Công ty cổ phần phải chịu 38.750.863 (ba mươi tám triệu bảy trăm lăm mươi nghìn tám trăm sáu mươi ba) đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm;

- Tổng công ty L- Công ty cổ phần không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại Tổng công ty L- Công ty cổ phần 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0521 ngày 10/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Thanh Xuân;
- Chi cục THADS quận Thanh Xuân;
- Lưu HS, VP, HCTP và TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành